TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 218/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 22 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – H

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 14/8/2025.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2025/TLST-HNGĐ về *"Thuận tình ly hôn*" ngày 11 tháng 08 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị **Trần T.H, sinh năm 1974.** Mã định danh: 015174******.

và anh **Phạm V.T, sinh năm 1974.** Mã định danh: 001074******.

Cùng địa chỉ nơi cư trú theo căn cước: Tổ 13, phường P, quận B, H (Cũ), nay là phường P, H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***1. Về tình cảm**:* Chị Trần T.H và anh Phạm V.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 12 năm 1997 tại UBND xã M, T, H (Cũ). Chị Trần T.H và anh Phạm V.T khẳng định tình cảm vợ chồng không

còn, không có khả năng đoàn tụ, anh chị cùng đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Trần T.H và anh Phạm V.T xác nhận có 02 (Hai) con chung là cháu Phạm H.P, sinh ngày 05/01/1999 và cháu Phạm H.M, sinh ngày 12/03/2001. Các cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nhà ở: Chị Trần T.H và anh Phạm V.T xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần T.H và anh Phạm V.T xác nhận không cho ai vay nợ và không vay nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

5. Về lệ phí HNGĐST: Chị Trần T.H và anh Phạm V.T thống nhất để anh Phạm V.T chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cả phần của chị Trần T.H theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh Chị Trần T.H và anh Phạm V.T không có yêu cầu nào khác.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn của đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần T.H và anh Phạm V.T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần T.H và anh Phạm V.T xác nhận có 02 (Hai) con chung là cháu Phạm H.P, sinh ngày 05/01/1999 và cháu Phạm H.M, sinh ngày 12/03/2001. Các cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở: Chị Trần T.H và anh Phạm V.T cùng thống nhất tự thỏa thuận, anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần T.H và anh Phạm V.T cùng thống nhất xác định không vay nợ và không nợ ai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về lệ phí HNGĐST: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm V.T chịu toàn bộ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bao gồm cả phần của chị Trần T.H theo quy định của pháp luật. Tổng cộng là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng),* được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí anh Phạm V.T đã nộp theo Biên lai thu số **0003614** ngày của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố H (cũ), nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4-H. Nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-H;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4-H;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự;
- Lưu VP; Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Hằng